



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
TUONG AN VEGETABLE OIL JOINT STOCK COMPANY

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

- 06 Quá trình hình thành và phát triển
- 07 Thông tin chung
- 11 Ngành nghề kinh doanh
- 12 Sơ đồ tổ chức
- 13 Tình hình nhân sự

BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 17 Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát
Ban điều hành, Ban quản lý dự án
- 22 Báo cáo của HĐQT
- 21 Thông điệp của chủ tịch HĐQT
- 27 Báo cáo của Ban TGD
- 30 Hệ thống phân phối
- 31 Danh mục sản phẩm

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 41 Hoạt động cộng đồng
- 43 Đầu tư vào công ty khác và công ty nắm giữ cổ phần của công ty
- 45 Quản trị doanh nghiệp
- 47 Cơ cấu Cổ đông
- 49 Quản trị rủi ro
- 50 Quan hệ nhà đầu tư
- 51 Các chỉ tiêu tài chính nổi bật



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 53 Báo cáo kiểm toán
- 59 Bảng cân đối kế toán
- 64 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 65 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 67 Thuyết minh báo cáo tài chính





Chúng tôi cam kết mang đến cho mỗi gia đình
một loại dầu ăn không những ngon mà còn tốt cho sức khỏe



Từ trước năm 1975, Tường An là cơ sở sản xuất dầu ăn với quy mô nhỏ dưới tên gọi Tường An Công ty. Sau ngày 30/04/1975, cơ sở được quốc hữu hoá và chuyển tên thành Xí nghiệp Công quản dầu ăn Tường An Công ty.

Ngày 26/12/2006 cổ phiếu của Công ty mang mã số TAC với số lượng cổ phiếu 18.980.200 cổ phần chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

1975

1977

2004

2006

2008

2009

Ngày 20/11/1977, Bộ Lương thực Thực phẩm ra quyết định số 3008/LTTP – TC chuyển Xí nghiệp Công quản dầu ăn Tường An thành Xí nghiệp quốc doanh với tên gọi là Nhà máy dầu Tường An trực thuộc Công ty Dầu Miền Nam.

Từ ngày 01/10/2004, Nhà máy dầu Tường An được cổ phần hoá theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 04 tháng 06 năm 2004 của Bộ Công nghiệp và trở thành Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An. Vốn điều lệ của Công ty là 189.802.000.000 đồng.



CÁC DANH HIỆU

Huân chương Lao động các hạng gồm:

Hạng ba năm 1990

Hạng hai năm 1995

Hạng nhất năm 2000.

Cờ thi đua của Chính phủ năm 1998, 2001, 2005.

Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công nghiệp (Nay là Bộ Công thương) liên tục từ các năm 1987 đến 1997 và các năm 2000, 2003, 2004, 2006, 2007, 2008, 2009.

Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên tục từ năm 1986 đến 2000 và các năm 2002, 2005.

Topten Hàng tiêu dùng Việt Nam được ưa thích nhất từ năm 1994 đến năm 1999 (do bạn đọc báo Đại Đoàn kết bình chọn).

Hàng Việt nam chất lượng cao từ năm 1997 đến năm 2010, Top 100 thương hiệu mạnh, Top 100 thương hiệu dẫn đầu Hàng Việt Nam Chất lượng cao 2007, Top 204 sản phẩm tốt nhất Việt Nam năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn (Báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức).

Giải thưởng "Hàng Việt Nam chất lượng – Uy tín" do báo Đại đoàn kết tổ chức dành cho các đơn vị đạt 5 năm liền Topten 1994 -1999.

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2004, 2006, 2007, 2008 do Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.

Thương hiệu mạnh năm 2004, 2005, 2008, 2009 do Thời báo kinh tế VN bình chọn.

Nhãn hiệu nổi tiếng quốc gia 2007, 2008, 2009 do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng.

Năm 2001 Công ty được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.

Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam lần 1 năm 2007 – 2008 do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB) tổ chức.

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – năm 2009 (VNR500) do chuyên trang Báo điện tử VietNamNet tổ chức.

Doanh nghiệp tiêu biểu trên TTCK Việt Nam năm 2008 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
(DẦU TƯỜNG AN)**

**TUONG AN VEGETABLE OIL JOINT STOCK COMPANY
DẦU TƯỜNG AN**

Tên tiếng Anh:
Tên giao dịch:
Mã chứng khoán:
Nơi niêm yết:
Trụ sở chính:

**TAC
HOSE**

48/5 Phan Huy Ích, Phường 15,
Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3815 3972

(84.8) 3815 3941

(84.8) 3815 3950

(84.8) 3815 1102

Fax: (84.8) 3815 3649

(84.8) 3815 7095

Website: www.tuongan.com.vn

Vốn điều lệ đến 31/12/2009: 189.802.000.000 đồng.

Giấy phép đăng ký kinh doanh: Số 4103002698

Do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004. Sửa đổi lần thứ 1 vào ngày 03 tháng 4 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28 tháng 5 năm 2007

Nhà máy dầu Phú Mỹ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I,
H. Tân Thành, T. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nhà máy Dầu Vinh

Địa chỉ: 135 Nguyễn Viết Xuân,
P. Hưng Dũng, TP.Vinh, Nghệ An.

Chi nhánh Miền Bắc

Địa chỉ: 78 Bạch Đằng, P. Thanh Lương,
Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.



Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Nghĩa Trai, X. Tân Quang,
H. Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

Chi Nhánh Miền Trung

Địa chỉ: 119 Nguyễn Hữu Thọ,
P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu,
TP Đà Nẵng.

Văn phòng đại diện Miền Tây

Địa chỉ: 40B 24 Khu Dân cư 91B Khu
vực VI, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP.
Cần Thơ.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

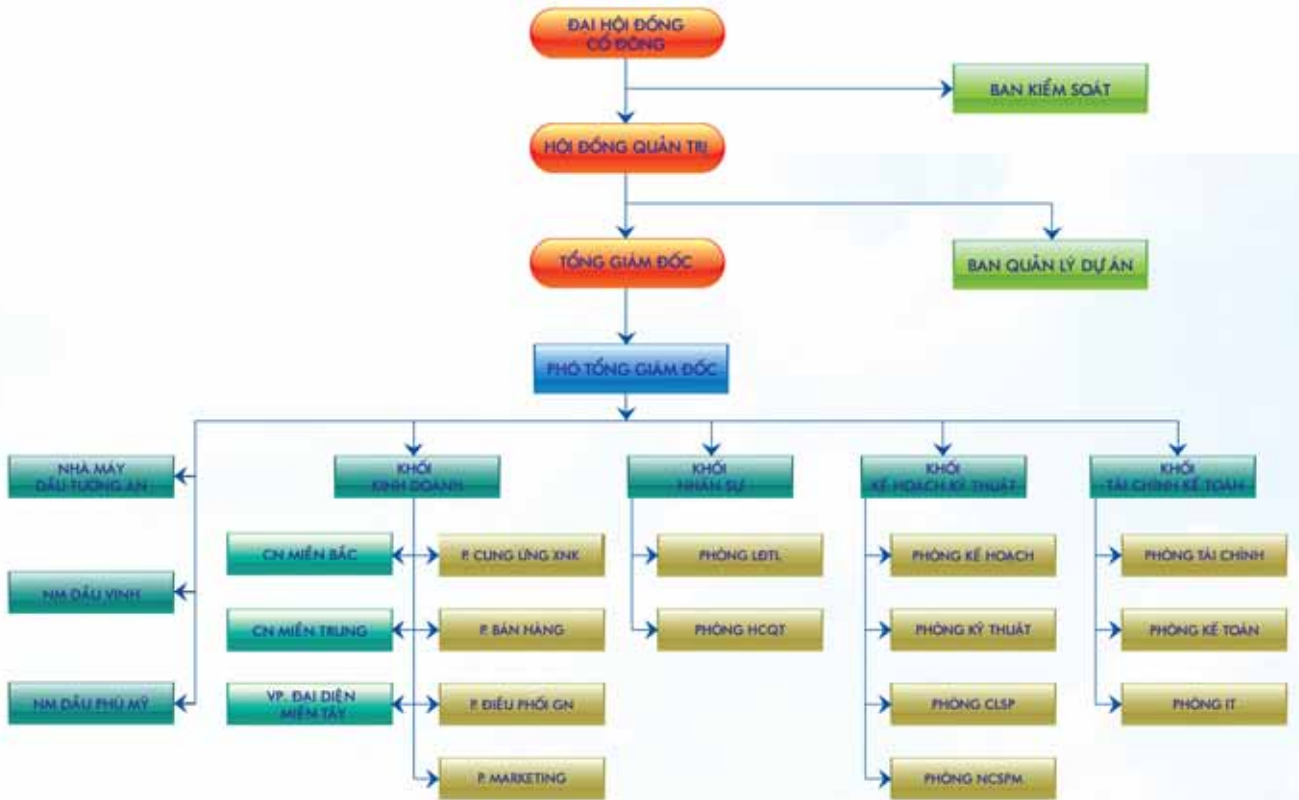
Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng. Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm mì ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá. Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động sinh hoạt văn hoá (tổ chức giao lưu, gặp mặt). Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).



CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An là một tổ chức thống nhất gồm Văn phòng Công ty, 3 nhà máy, 2 chi nhánh và 1 văn phòng đại diện. Việc điều hành và các quyết định quan trọng về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại văn phòng.





Yếu tố chủ lực chi phối đến sự phát triển và thành công của Công ty chính là con người. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực là hết sức cần thiết. Tường An đã đánh giá và xác định những vấn đề quan trọng trong xây dựng chính sách nhân sự.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

Tổ chức nhân sự hợp lý và hiệu quả thông qua việc sắp xếp lại các phòng nghiệp vụ, phân công công việc đến từng cá nhân phù hợp với năng lực và kiến thức đã được đào tạo nhằm tạo tâm lý thoải mái trong công việc, đồng thời nâng cao tính chủ động trong công việc cũng như ý thức chung của tất cả nhân viên trong Công ty làm việc hiệu quả vì sự phát triển của Công ty.

Xây dựng chính sách tiền lương hợp lý, các chế độ đãi ngộ lao động, ưu đãi về thâm niên làm việc, mức độ cống hiến... nhằm thu hút lao động giỏi cũng như giữ người lao động gắn bó với Công ty.

Xây dựng các chuẩn mực văn hóa Công ty, tạo môi trường làm việc thân thiện và niềm tự hào được làm việc cho Tường An.

Hàng năm, xây dựng kế hoạch ngân sách phát triển nguồn nhân lực thông qua tổ chức đào tạo tại chỗ và tham gia các chương trình huấn luyện, đào tạo bên ngoài.

Xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ kế thừa có năng lực chuyên môn tốt và đạo đức trong quản lý.

Lưu chuyển các vị trí công việc nhằm tạo điều kiện cho mọi người phát huy năng lực, khuyến khích sáng tạo trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả công việc và tạo điều kiện cho mọi người có thể am hiểu nhiều lĩnh vực khác nhau.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2009, Công ty đã có một số chính sách phù hợp với định hướng chiến lược nhân sự như trên, cụ thể là:

Xây dựng được đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng và có kinh nghiệm, trong đó có nhiều cán bộ kỹ thuật có tâm huyết và trách nhiệm cao với công việc.

Sắp xếp lực lượng lao động hiện có và tuyển mới, tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV để đáp ứng được nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty trong tương lai.

Xây dựng hệ thống lương, thưởng hợp lý góp phần nâng cao hiệu quả và năng suất, hiệu quả công việc của cán bộ công nhân viên của Công ty.

Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật về chế độ chính sách đối với người lao động và hỗ trợ kịp thời cho người lao động chuyển đến Nhà máy đầu Phú Mỹ làm việc.

Bảng thống kê nhân sự của Công ty đến ngày 31/12/2009

Diễn giải	Số lượng
Thạc sỹ	3
Đại học	160
Cao đẳng	67
Trung học chuyên nghiệp	111
Trung học nghề	40
Công nhân kỹ thuật	102
Tốt nghiệp phổ thông trung học	359
Tổng cộng	842



Tường An

Tường An

Cooking Oil

BEST REFINED EDIBLE OIL





Chúng tôi mong muốn mang lại cho bạn cuộc sống ấm no hạnh phúc





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Ông **ĐOÀN TẤN NGHIỆP**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Ông **NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**
Thành viên Hội đồng quản trị

3. Ông **ĐINH QUỐC HÙNG**
Thành viên Hội đồng quản trị

4. Ông **DƯƠNG TIẾN ĐỨC**
Thành viên Hội đồng quản trị

5. Ông **HUYNH VĂN NHỎ**
Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Đoàn Tấn Nghiệp - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phó tổng GD Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex),
Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – VINA.
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình.
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bao bì Dầu thực vật.



Ông Nguyễn Hùng Cường - Thành viên Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình.



Ông Đinh Quốc Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị

Trưởng phòng kinh doanh XNK Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).
Thành viên Hội đồng quản trị công ty Trích ly Dầu thực vật (VOE)



Ông Dương Tiến Đức - Thành viên Hội đồng quản trị

Giám đốc Ban quản lý dự án - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An



Ông Huỳnh Văn Nhở - Thành viên Hội đồng quản trị

Giám đốc Nhà máy dầu Phú Mỹ - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An



BAN KIỂM SOÁT



Ông Văn Tích Vinh – Trưởng Ban kiểm soát

Phó phòng kế toán - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)
Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK)



Ông Nguyễn Đức Thuyết – Thành viên Ban kiểm soát

Chuyên viên kế toán - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex).
Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình.



Bà Ngô Bạch Mai – Thành viên Ban kiểm soát

Trưởng phòng Cung ứng xuất nhập khẩu - Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Hà Bình Sơn
Tổng giám đốc điều hành
Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An



Ông Nguyễn Văn Lùng
Phó Tổng giám đốc điều hành
Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An



1. Tầm Nhìn:

Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật và thực phẩm tại Việt Nam với những sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng tốt nhất, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng nhằm phục vụ tốt nhất cho cuộc sống xã hội và con người Việt Nam.

2. Sứ mệnh:

Tường An luôn cam kết mang đến cho xã hội những sản phẩm có chất lượng tốt nhất bằng chính sự trân trọng, trách nhiệm cao của mình cho sức khỏe, cuộc sống của người tiêu dùng và xã hội.

3. Giá trị cốt lõi:

Tôn trọng:	Chúng tôi luôn tôn trọng sự cống hiến, bình đẳng cho sự phát triển của công ty trong quá khứ, hiện tại và tương lai.
Sáng tạo:	Luôn luôn sáng tạo và đam mê khám phá mang tính độc đáo và các giải pháp cải tiến nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng ngày càng tốt hơn là phương châm làm việc của chúng tôi.
Hài hòa các lợi ích:	Lợi ích của Tường An là lợi ích của xã hội, nhà nước, đối tác, cổ đông và nhân viên trong sự phát triển của Công ty.
Ý chí:	Luôn kiên định với định hướng phát triển của Công ty, vượt qua những khó khăn và thử thách để đạt được mục tiêu đề ra.
Hiệu quả:	Tất cả những gì chúng tôi làm đều quan tâm đến hiệu quả của giá trị tăng thêm mang lại trong tất cả các hoạt động đầu tư, kinh doanh và công việc vì mục đích cho sự phát triển của Công ty
Cởi mở:	Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, đóng góp chân thành là động lực cho sự phát triển bền vững của Tường An.
Chính trực:	Tất cả những gì chúng tôi làm đều trung thực, minh bạch và đúng với mục tiêu đã đề ra phù hợp với chuẩn mực chung của xã hội.

“

Với định hướng kinh doanh tập trung vào thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, công ty tiếp tục khai thác hiệu quả các thị trường, đặc biệt là ngành dầu thực vật. Công ty đã thực hiện với hiệu quả kinh doanh năm 2009. Mặc dù phải bị hạn chế về năng lực tài chính của các khách hàng và ngân hàng, công ty vẫn duy trì được sản phẩm chính của mình là các loại dầu thực vật. Tuy nhiên, do công suất sản xuất của công ty vẫn chưa đạt được mức tối ưu nên việc sản xuất vẫn còn gặp một số khó khăn khi sản xuất các sản phẩm có độ tinh khiết cao hơn. Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động đầu tư đúng đắn của công ty. Đây là nền tảng để công ty tiếp tục phát triển và đạt được những mục tiêu kinh doanh trong tương lai.

”

Kính thưa quý vị cổ đông

Năm 2009, cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới tiếp tục tiếp diễn và tác động đến nền kinh tế nước ta, giá nguyên liệu các loại giao động với biên độ lớn và thất thường, trong khi giá bán sản phẩm không tăng do sức mua của người tiêu dùng suy giảm, tỷ giá giữa VND/USD biến động tăng và không thể mua được theo tỷ giá niêm yết của ngân hàng. Mặc dù vậy, Tường An cố gắng rất lớn để không bị mất thị trường và vượt mọi khó khăn.

Tường An tiếp tục là một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại Việt Nam với tốc độ phát triển: tổng sản lượng tiêu thụ

tăng 6,67% so với năm 2008, lợi nhuận sau thuế tăng 135,05% so với năm 2008.

Công ty tiếp tục chiến lược phát triển thị trường bằng cách củng cố hệ thống bán hàng hiện có và phát triển thêm hệ thống phân phối, xây dựng đội ngũ bán hàng và tiếp thị thích nghi tốt với thị trường, triển khai hệ thống bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, hưởng ứng cuộc vận động của Nhà nước về “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” cộng với việc hỗ trợ của các chiến lược tiếp thị có hiệu quả, hệ thống quản lý chất lượng, Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới.



Công ty đã đạt được kết quả tài chính như sau:

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2009	Kế hoạch 2008	% thực hiện	
	A	B	C	[A/B]	[A/C]
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	135.353	162.000	131.117	83,55%	103,23%
Tổng doanh thu	2.626	2.750	2.960	95,49%	88,72%
Lợi nhuận trước thuế	33,436	50	14,340	66,87%	233,17%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	1.466	2.500	624	58,64%	234,94%

Về tình hình thực hiện kế hoạch giải ngân và hình thành TSCĐ từ đầu tư XDCB năm 2009 như sau:

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	% thực hiện
	A	B	A/B
Dự án NMD Phú Mỹ	232.355	279.061	83,26%
Dự án đầu tư dây chuyền tách phân đoạn đầu cọ 400 tấn/ngày	47.985	52.358	91,65%
Di dời	811	8.790	9,22%
Tổng cộng	281.151	340.209	82,64%

Cổ tức.

Với kết quả kinh doanh năm 2009, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức chia cổ tức cho cả năm 2009 là 14% cho mỗi cổ phần mệnh giá 10.000 đồng (1.400 đồng/cổ phần), cổ tức này sẽ được chi trả bằng tiền mặt.

Hội đồng quản trị có ý định duy trì chính sách trả cổ tức cao hơn mức lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên, mức cổ tức thực tế cho từng năm sẽ được xem xét dựa trên kết quả kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển mở rộng và đầu tư mới trong tương lai, để đảm bảo Công ty luôn phát triển ổn định và bền vững.

Thay lời kết.

Thay mặt Hội đồng quản trị Tường An, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác kinh doanh và các cơ quan Nhà nước đã tin cậy, hỗ trợ để Tường An có sự phát triển mạnh mẽ và bền vững cho những năm qua và các năm tiếp theo.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến hơn 900 nhân viên toàn Công ty, xin cảm ơn sự đóng góp hiệu quả của các thành viên và mong muốn tất cả các thành viên trong Công ty chúng ta tiếp tục phát huy hết khả năng của mình để đóng góp cho sự phát triển của Tường An trong năm 2010 đạt được những kết quả tốt hơn trong tương lai.

Năm 2010, chắc chắn sẽ còn nhiều khó khăn nhưng cũng có những cơ hội mới cho sự phát triển vì tốc độ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới và trong nước tăng từ đó thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng tăng, nếu chúng ta biết tận dụng cơ hội sẽ làm cho kết quả kinh doanh khả quan hơn và cũng là cơ hội để chúng ta phát triển và mở rộng thị trường. Tường An sẽ làm hết sức mình để đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông.





Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng quan

Năm 2009, Tường An tiếp tục là một trong những công ty dẫn đầu trong ngành dầu thực vật với thị phần chiếm khoảng 26% thị trường dầu thực vật Việt Nam. Với ba nhà máy sản xuất, một đặt tại TP. HCM, một đặt tại Khu CN Phú Mỹ 1 tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và một đặt tại Nhà máy Dầu Vinh tỉnh Nghệ An với tổng công suất thiết kế vào khoảng 800 tấn/ngày. Các sản phẩm của Tường An phục vụ được hầu hết các nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng với các nhóm sản phẩm chính gồm: Nhóm dầu chiên xào, Nhóm dầu cao cấp, Nhóm dầu dinh dưỡng, Nhóm dầu đặc.

Nhóm dầu chiên xào

Là sản phẩm truyền thống của Tường An bao gồm các sản phẩm chính sau: các loại dầu Cooking oil, Vạn Thọ, dầu dừa, dầu Olein tinh luyện, dầu Olita là những sản phẩm chiếm thị phần lớn thị trường trong nước và trong cơ cấu sản phẩm của Công ty về sản lượng và doanh thu. Nhóm sản phẩm dầu chiên xào là thị trường có mức độ cạnh tranh rất cao do tính thông dụng của sản phẩm này và có rất nhiều công ty dầu trong nước tham gia sản xuất như Tường An, Cái Lân, Golden Hope, Tân Bình, Acecook (Dầu ăn đệ nhất)... một số dầu nhập khẩu và các cỡ sử tư nhân. Đối thủ lớn nhất của Tường An vẫn là Cái Lân (Majan, Neptune, Cái Lân), Golden Hope (Mavellar, Ông Táo), dầu Tân Bình, Đệ Nhất. Đây là sản phẩm trọng tâm Tường An cần phải giữ vững và phát triển trong những năm tới.

Nhóm dầu cao cấp

Bao gồm dầu nành, dầu mè, dầu phộng là những

sản phẩm được người tiêu dùng ưu chuộng, sản lượng tiêu thụ ngày ổn định và có xu hướng tăng do đời sống người dân ngày càng được nâng cao. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của đất nước người tiêu dùng ngày càng quan tâm và bảo vệ sức khỏe nhiều hơn do đó đây là yếu tố quan trọng để nhóm dầu cao cấp phát triển mạnh mẽ trong tương lai và trở thành nhóm dầu chủ lực của công ty trong cơ cấu sản phẩm tạo ra lợi nhuận.

Nhóm dầu dinh dưỡng

Đây là bước đột phá trong ngành dầu Việt Nam thông qua việc nghiên cứu bổ sung vi chất dinh dưỡng vào sản phẩm dầu ăn nhằm tăng cường sức khỏe cho người tiêu dùng khi sử dụng những sản phẩm dầu dinh dưỡng của Tường An bao gồm những sản phẩm có uy tín và được người tiêu dùng tin dùng như Dầu ViO, Season.

Nhóm dầu đặc

Được chế biến từ hỗn hợp các loại dầu thực vật lỏng giàu dinh dưỡng, đã qua công đoạn hydro hóa dầu và được tinh luyện để trở thành hỗn hợp dầu đặc theo yêu cầu.

Margarine Tường An có hương vị thơm ngon tinh khiết, giàu β - Caroten, được sử dụng phổ biến để làm bánh, bắt bông kem hoặc ăn với bánh mì. Tường An giữ vị trí gần như duy nhất đối với sản phẩm Margarine trên thị trường trong nước.

Shortening Tường An được sử dụng trong công nghiệp sản xuất bánh kẹo, chế biến mì ăn liền.



Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Biến động của nền kinh tế

Năm 2009 là năm tiếp tục thế giới bị khủng hoảng kinh tế tài chính, với nhiều khó khăn của khủng hoảng kinh tế thế giới đã ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam như xuất khẩu giảm, cán cân thương mại thâm hụt, tỷ giá ngoại tệ tăng, tỷ lệ lạm phát tăng cao, sức mua giảm ... cùng với tình hình thiên tai, lũ lụt diễn ra nhiều hơn. Nhưng với sự chủ động của Chính phủ đã có những chính sách kịp thời và phù hợp với tình hình kinh tế, Việt Nam đã vượt qua những khó khăn và dần đi vào ổn định và phát triển với tốc độ tăng trưởng GDP 5,32% .

Đối với ngành dầu, ngoài những khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng của xã hội làm cho sản lượng bán ra không tăng nhiều. Tổng sản lượng toàn ngành tăng 5% so với năm 2008. Giá nguyên liệu dầu thực vật thế giới vẫn giữ ở giá cao vào khoảng 850 USD/tấn ảnh hưởng rất nhiều đến việc dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất của Tường An.

Nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật

Mặc dù khủng hoảng kinh tế nhưng nhu cầu tiêu thụ dầu thực vật tại Việt Nam vẫn ổn định có tăng trưởng, cho thấy nhu cầu tiêu thụ vẫn còn tăng trong tương lai. Nền kinh tế ngày càng ổn định và phát triển trong những năm tiếp theo, người tiêu dùng ngày càng quan tâm nhiều đến sức khỏe và sử dụng những sản phẩm dầu thực vật nhiều hơn, đặc biệt các sản phẩm dầu thực vật có chất lượng cao và có bổ sung vi chất,

Vitamin như: Dầu Nành, Dầu Mè, Dầu Phộng,.. các vùng nông thôn của Việt Nam ngày càng sử dụng dầu thực vật thay thế mỡ động vật trong bữa ăn hàng ngày, đây là một thị trường rộng lớn cho sự phát triển của ngành dầu thực vật trong những năm tiếp theo.

Cạnh tranh

Thị trường dầu thực vật tại Việt Nam có sự cạnh tranh rất quyết liệt giữa các công ty trong ngành như: Tường An, Cái Lân, Gonden Hope Nhà Bè, Tân Bình và một số công ty, cơ sở mới thành lập. Hiện nay ngành dầu thực vật Việt Nam chiếm 97% sản xuất trong nước, phần còn lại được nhập khẩu từ các thị trường trong khu vực. Việc các sản phẩm dầu thực vật nhập khẩu có thể cạnh tranh với các sản phẩm trong nước trong những năm tới là không cao, cạnh tranh chủ yếu vẫn diễn ra giữa các công ty trong nước. Mặc dù vậy, Tường An vẫn tiếp tục ổn định và giữ vững được thị phần vào khoảng 26%.

Công suất thiết kế

Hiện nay tổng công suất thiết kế của các công ty trong ngành dầu thực vật Việt Nam đã đáp ứng hầu hết nhu cầu tiêu thụ trong nước cho hiện tại và trong 5 năm tiếp theo. Với công suất 800 tấn/ngày và hiệu suất sử dụng đạt gần 70% Tường An là một trong những công ty có công suất lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Chiến lược phát triển kinh doanh:

Mục tiêu của Công ty là tối đa hóa giá trị của cổ đông và chiến lược phát triển kinh doanh của công ty dựa trên những yếu tố sau:

Phát triển thương hiệu Tường An trở thành một thương hiệu có uy tín trong ngành thực phẩm tiêu dùng Việt Nam phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng riêng của người Việt nam, thông qua việc phát triển những dòng sản phẩm có chất lượng tối ưu nhất.

Củng cố, xây dựng và phát triển những nhãn hàng mang thương hiệu Tường An mạnh đáp ứng được nhu cầu và tâm lý tiêu dùng của người Việt Nam.

Có các chính sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa cũng như thị trường xuất khẩu, khai thác có hiệu quả công suất nhà máy dầu Phú Mỹ cũng như ổn định và gia tăng thị phần.

Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo hàng hóa được phân phối đến tay người tiêu dùng nhanh nhất và hiệu quả nhất.

Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường cũng như triển khai tối các chương trình bán hàng ngoài thị trường nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu ngày càng lớn mạnh.

Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì, tập trung phát triển những nhãn hàng cao cấp nhằm đáp ứng ngày càng cao của người tiêu dùng cũng như đem lại lợi nhuận của công ty.

2. Hệ thống phân phối:

Thị trường nội địa: Doanh thu nội địa chiếm chủ yếu trong tổng doanh thu của Công ty và là thị trường chính trong chiến lược phát triển của Công ty.

Sản phẩm của công ty được phân phối đến người tiêu dùng thông qua các kênh sau:

Kênh truyền thống

NPP / Đại lý --> điểm bán lẻ --> người tiêu dùng

Kênh hiện đại

Siêu thị và Metro --> người tiêu dùng

Công ty --> Heroca

Công ty --> Khách hàng công nghiệp

Thị trường xuất khẩu: Doanh thu chỉ chiếm khoảng 2% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Công ty là các nước Nhật, Đài loan, Campuchia. Công ty luôn tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước khác trong khu vực nhằm duy trì và gia tăng doanh thu xuất khẩu.

Sản lượng xuất khẩu chủ yếu của Công ty là Margarine, Dầu Mè.

3. Lợi thế cạnh tranh:

a. Kinh nghiệm: Là một công ty có kinh nghiệm lâu nhất tại thị trường Việt Nam trong ngành dầu thực vật, với 33 năm xây dựng và phát triển đã tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

b. Hệ thống quản lý và nhân sự: Hệ thống và quy trình quản lý chuyên nghiệp được điều hành bởi đội ngũ nhà quản lý, nhân viên có năng lực và kinh nghiệm trong ngành dầu thực vật là một trong những yếu tố giúp công ty phát triển nhanh chóng và vững chắc.

c. Lợi thế về quy mô: Với quy mô công ty lớn đã tạo ra thị phần lớn trong hầu hết các phân khúc sản phẩm, chiếm thị phần lớn trong thị trường dầu ăn cao cấp như Dầu Mè, Margarine và dầu dành cho trẻ em như ViO, mức tăng trưởng hàng năm vào khoảng 30%/ năm.

d. Sở hữu thương hiệu mạnh Tường An: là một thương hiệu mạnh dẫn đầu trong ngành dầu thực vật về mức độ tin cậy và yêu thích của người tiêu dùng Việt Nam đối với các sản phẩm của Công ty đặc biệt là các sản phẩm dầu ăn thông thường (Cooking Oil), dầu ăn cao cấp (Mè, Phộng, ViO) và Margarine.

e. Mạng lưới phân phối và bán hàng: mạng lưới bán hàng rộng khắp cả nước và chủ động trong việc đưa các sản phẩm chủ lực của Tường An có mặt khắp cả nước tới các vùng có dân cư sinh sống thông qua các điểm bán lẻ trên toàn quốc.

f. Năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: theo xu hướng tiêu dùng của thị trường.

g. Thiết bị và công nghệ sản xuất: hiện đại và tiên tiến theo tiêu chuẩn của quốc tế.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI





4. Kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần năm 2009 của Tường An giảm 11,26% so với năm 2008, doanh thu giảm chủ yếu do giá bán bình quân năm 2009 giảm 16,88% so với năm 2008. Trong khi đó sản lượng tiêu thụ tăng 6,7% là do hệ thống phân phối nội địa trải rộng khắp cả nước của Tường An, với độ bao phủ khoảng 65.000 điểm bán lẻ.

Lợi nhuận gộp của Tường An đạt 8,94% và tăng 51,58% so với cùng kỳ năm 2008 (đạt 5,24%). Kết quả tăng này đạt được do khả năng quản lý chi phí và cũng như có sự thay đổi trong cơ cấu sản phẩm có tỷ lệ lợi nhuận gộp tăng đặc biệt là các sản phẩm dầu thực vật cao cấp.

Về mặt giá trị tuyệt đối giá vốn hàng bán giảm từ 2.805 tỷ đồng năm 2008 xuống 2.391 tỷ đồng năm 2009 tương ứng giảm 14,74% nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên liệu đầu thực vật mua giảm và chọn đúng thời điểm mua với giá hợp lý.

Doanh thu hoạt động tài chính

Giảm so với cùng kỳ năm 2008 từ 30,275 tỷ đồng xuống 2,765 tỷ đồng, tương ứng giảm 10,95 lần. Doanh thu tài chính giảm do tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và lãi suất giảm (tiền sử dụng cho đầu tư dự án tại Phú Mỹ nên không có tiền tạm thời nhàn rỗi như năm 2008) .

Chi phí tài chính

Giảm so với năm 2008 từ 50,382 tỷ đồng xuống 36,370 tỷ đồng do giảm do chênh lệch tỷ giá từ 48,244 tỷ đồng xuống 23,581 tỷ đồng nhưng lãi vay ngân hàng tăng lên do dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ đi vào hoạt động nên lãi vay từ ngân hàng cho đầu tư được tính vào kết quả kinh doanh trong kỳ 1,863 tỷ năm 2008 lên 12,851 tỷ đồng năm 2009.

Chi phí bán hàng

Về mặt giá trị tuyệt đối chi phí bán hàng trong năm 2009 là 142,803 tỷ đồng so với 104,050 tỷ đồng của năm 2008 tương ứng tăng 37,24%, cao hơn mức tăng doanh thu nên tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần trong năm 2009 tăng tỷ lệ khoảng 5,44% nguyên nhân chủ yếu là do tăng chi phí khuyến mại và hỗ trợ Nhà phân phối / Đại lý, đặc biệt trong quý 3/2009 Công ty khuyến mãi nhiều nhằm cạnh tranh với một số nhãn hiệu mới.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2009 tăng hơn 135,05% so với năm 2008. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần đạt 1,06% so với 0,4% của năm 2008, chủ yếu là do công ty đã kiểm soát được chi phí giá vốn tốt hơn năm 2008 bằng cách chọn thời điểm mua và dự trữ nguyên liệu một cách hiệu quả và hợp lý hơn.



5. Chỉ số tài chính

Khả năng thanh toán:

- **Khả năng thanh toán tức thì đạt:** 0,49% lần, tăng 0,22 lần so với cùng kỳ năm 2008 (0,27 lần), cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán tức thì các khoản nợ tới hạn được đảm bảo do tình hình dự trữ hàng tồn kho giảm và một phần được chuyển hóa thành tiền và các khoản tương đương tiền, ngoài ra do tình hình tiêu thụ sản phẩm tốt hơn năm 2008.
- **Khả năng thanh toán nhanh đạt:** 0,65 lần, tăng 0,2 lần so với năm 2008, chủ yếu là do tình hình dự trữ hàng tồn kho giảm còn nguyên nhân khác là do nợ ngắn hạn giảm, tình hình tiêu thụ nhanh hơn được chuyển thành tiền và các khoản tương đương tiền tăng lên và nợ phải thu tăng lên so với năm 2008.

Khả năng sinh lời

- **Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2009:** đạt 9,42% so với 3,86% của năm 2008 chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng 135,05% so với năm 2008 được ảnh hưởng của nhân tố hoạt động bán hàng tạo ra lợi nhuận năm 2009 đạt 1,55% so với 0,4% của năm 2008.

So sánh với ngành

Tường An là một trong những công ty hàng đầu trong ngành dầu thực vật tại Việt Nam với thị phần năm 2009 chiếm khoản 26% với hệ thống bán hàng được bao phủ cả nước, sản phẩm đa dạng có thể cạnh tranh tốt với các đối thủ cũng như phục vụ được nhiều nhu cầu khác nhau của khách hàng.

Dầu Nành



CookingOil

Sản phẩm hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế một cách hoàn hảo để đảm bảo thức ăn thơm ngon và đầy đủ chất dinh dưỡng. Chuyên dùng để chiên giòn, xào và nấu thức ăn.

Đóng chai các loại: 0.25L, 0.4L, 1L, 2L, 5L



Dầu Nành

Được tinh chế từ dầu Nành nguyên chất với công nghệ hiện đại. Chứa hàm lượng acid béo không no Omega – 3 và Omega – 6 cao có tác dụng tốt trong việc phòng ngừa các chứng bệnh liên quan đến tim mạch. Ngoài ra dầu Nành còn cung cấp và giúp hấp thụ tốt các Vitamin tan trong dầu, các tác dụng chống Oxy hóa tự nhiên, bảo vệ tế bào, chống lão hóa và kéo dài tuổi thọ.

Đóng chai các loại: 0.4L, 1L, 2L, 5L



Dầu Mè

Là loại dầu ăn có giá trị dinh dưỡng cao, được chế biến từ hạt Mè nguyên chất đã qua tinh luyện, dùng để trộn salad, rau, củ, quả, và dùng để chiên xào rất tốt cho mọi người đặc biệt là người già và trẻ em. Đây là loại dầu có hàm lượng tiền chất DHA và EPA cao rất tốt cho sức khỏe. Nguyên liệu 100% là dầu mè nguyên chất.

Đóng chai các loại: 0.25L, 0.4L, 1L





Sản phẩm từ lòng yêu thương!

Vi..O
ViO!

DHA

thông minh
mắt sáng
cơ thể khỏe mạnh

VITAMIN
A

VITAMIN
E



ViO = Dầu Mè + Dầu Gấc + DHA

Dầu Phộng

Dầu phộng có giá trị dinh dưỡng cao và đã gắn bó với văn hóa ẩm thực và truyền thống của người Việt Nam từ những ngày đầu trong việc dùng dầu thực vật để chế biến thức ăn, 100% nguyên liệu được ép ra từ hạt đậu phộng. Dầu phộng dùng để chiên, xào nấu các món ăn trong các bữa ăn chay, bữa ăn gia đình và làm nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm.

Đóng chai các loại: 0.4L, 1L, 2L



ViO

Được sản xuất từ dầu Mè tinh luyện, ViO là dầu ăn dinh dưỡng dành cho trẻ em từ độ tuổi ăn dặm đến 8 tuổi, rất tốt cho trẻ em còi xương, suy dinh dưỡng. Trong thành phần dầu ViO có rất nhiều chất dinh dưỡng thiết yếu cho sự phát triển của trẻ em.

DHA: giúp cho trẻ thông minh và phát triển trí não hoàn hảo

Vitamin A và E tự nhiên: được chiết xuất từ dầu gấc nguyên chất có tác dụng giúp cho trẻ sáng mắt, tăng cường sức đề kháng để chống lại bệnh tật, bảo vệ tế bào và phòng tránh rối loạn hấp thu chất béo ở ruột.

Dầu ViO không sử dụng để xào nấu như các loại dầu thông thường mà dùng trộn vào thức ăn của trẻ đã chế biến trước khi cho trẻ ăn, mỗi bữa ăn sử dụng từ 1 – 2 muỗng café dầu ViO.

Đóng chai các loại: 0.25L



Season

PREMIUM EDIBLE OIL

Dầu Season là sản phẩm dầu ăn cao cấp duy nhất tại Việt Nam được phối trộn từ dầu Nành và Dầu Phộng tinh luyện có bổ sung Vitamin A&D rất tốt cho sức khỏe, Dầu Season dùng để chiên, xào và trộn salad. Ngoài việc được bổ sung Vitamin A&D trong thành phần chứa hàm lượng cao các acid béo không no Omega 3 và Omega 6 giúp cho xương phát triển vững chắc và cơ thể khỏe mạnh.



ĐƯỢC MÓN ĂN NGON BÌNH CHỌN



Luôn thấu hiểu bí quyết làm nên những món ăn thơm ngon bổ dưỡng. Dành trọn tâm huyết cho những loại dầu ăn tinh khiết để tôn vinh hương vị món ăn Việt. Vì vậy không có gì ngạc nhiên khi Tường An được các món ăn ngon bình chọn là dầu ăn hàng đầu và được nhiều người tin dùng nhất.



Dầu Dừa

Đã được tinh luyện, dầu dừa phục vụ cho nhiều nhu cầu tiêu dùng khác nhau như chiên xào nấu các món thức ăn trong bữa ăn gia đình và dùng làm nguyên liệu cho các ngành chế biến thực phẩm.

Đóng chai các loại: 0.25L, 0.4L, 1L, 2L, 5L



VanThọ

DẦU ĂN DANH TIẾNG

Là sản phẩm dầu hỗn hợp giữa dầu Olein, dầu đậu nành, dầu hạt cải tinh luyện được phối chế một cách hoàn hảo dùng để chiên xào nấu chính thức ăn. Dầu Vạn thọ mang lại cho người tiêu dùng lựa chọn đa dạng và phong phú cho nhu cầu sử dụng dầu ăn.

Đóng chai các loại: 0.25L, 0.4L, 1L, 2L, 5L



Olita

Dầu Olita: Là loại dầu thực phẩm hỗn hợp tinh luyện dùng để chiên xào. Dầu Olita mang lại sự phong phú cho sự lựa chọn cũng như đặc tính vùng miền trong nhu cầu sử dụng dầu ăn của người tiêu dùng.

Đóng chai các loại: 0.25L, 0.4L, 1L, 2L, 5L.





MARGARINE

BƠ THỰC VẬT

Margarine (bơ thực vật) được chế biến từ các loại dầu thực vật tinh luyện. Margarine có hương thơm ngọt, giàu Vitamin, được sử dụng phổ biến dùng để chiên thực phẩm, làm bánh, làm bông bánh kem cho hương vị thơm ngon.

Đóng gói các loại: Hộp 80 gram, 200 gram, 20kg



Shortening

Shortening: là loại dầu thực vật ở dạng đặc (sánh) được dùng chủ yếu trong công nghiệp chế biến thực phẩm (sản xuất bánh, mì ăn liền.)



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu kéo dài từ năm 2008 đến nay làm cho tình hình kinh doanh của nhiều doanh nghiệp gặp không ít khó khăn. Trong đó, Tường An cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, bằng nhiều nỗ lực không ngừng, Công ty đầu Tường An vẫn kinh doanh có lãi và tiếp tục đồng hành với các hoạt động xã hội, trợ giúp cộng đồng.

Nhiều hoạt động có ý nghĩa nối tiếp nhau đã được Tường An cùng các cơ quan đoàn thể phối hợp thực hiện, cụ thể như: tiếp tục thực hiện phong trào xây dựng “Nếp sống văn minh đô thị” theo chủ trương của UBND Tp. HCM, phòng trào vệ sinh ATTP trong kinh doanh bằng việc trang bị nón, tạp dề cho tiểu thương, hội thao “Phụ nữ khỏe” quận Bình Thạnh lần 2, hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tại Nha Trang Khánh Hòa, tài trợ hội thi “Đầu bếp giỏi – Đà Nẵng mở rộng lần 1”.

Đặc biệt ý nghĩa trong chuỗi những hoạt động cộng đồng là chương trình từ thiện, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống xã hội được Tường An quan tâm thể hiện bằng những việc làm hết sức thiết thực như: thăm hỏi, tặng quà thương bệnh binh tại Bệnh viện 7A – TPHCM, tài trợ hoạt động của Hội người khuyết tật TP Cần Thơ, ủng hộ Hội nạn nhân chất độc màu da cam TPHCM, ủng hộ chương trình “Về nguồn với Bác”.

Bên cạnh đó, các hoạt động mang tính nâng cao kiến thức cho người dân, chăm lo cho cộng đồng như tài trợ sinh hoạt Câu lạc bộ dinh dưỡng và sức khỏe do Trung tâm dinh dưỡng TPHCM tổ chức, tài trợ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng thế hệ trẻ bằng việc phối hợp với Trung tâm dinh dưỡng TPHCM thực hiện thành công 2 đợt chiến dịch uống Vitamin A cho trẻ từ 6 – 36 tháng tuổi, phối hợp với Báo giáo dục TPHCM tổ chức đêm trung thu “Lễ hội trăng rằm” tạo sân chơi vui tươi, bổ ích cho các em thiếu nhi Thành phố.

Ngoài ra, Tường An – nhà sản xuất và kinh doanh dầu thực vật và các sản phẩm chế biến từ dầu thực vật lớn tổ chức các hội thi nấu ăn, cắm hoa, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày gia đình Việt Nam 28/6, tài trợ hội thi nấu ăn do Hội LHPN Quận Bình Thạnh, Hội LHPN Quận Gò Vấp, Co.op Mart Bến Tre tổ chức.

Thông qua các hoạt động hướng về cộng đồng, xã hội trong điều kiện sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Tường An đã thể hiện quyết tâm gắn kết hoạt động sản xuất kinh doanh của mình với việc nâng cao chất lượng cuộc sống, hướng đến sự phát triển bền vững của toàn xã hội. Đó cũng là một định hướng tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.





Lễ hội trăng rằm



Câu lạc bộ dinh dưỡng



Thăm và tặng quà thương, bệnh binh



Lễ hội trăng rằm



Câu lạc bộ dinh dưỡng



Thăm và tặng quà thương, bệnh binh



Hội thi nấu ăn Q. Gò Vấp



Chương trình khuyến mãi





ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY KHÁC VÀ CÔNG TY NẴM GIỮ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VÀO CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY VMPACK

Công ty đã thực hiện đầu tư 1.920.000.000 đồng vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK) chiếm tỷ lệ 2,4% vốn chủ sở hữu.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT (VMPACK)**

Địa chỉ: Lô 6-12 Khu F, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp,
Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất bao bì cho ngành thực phẩm; mua bán máy móc
thiết bị, vật tư, nguyên liệu ngành bao bì; dịch vụ thương
mại, in bao bì.

Vốn cổ phần: **80 tỷ đồng.**

Giấy CN đăng ký KD số: 4103001186 ngày 09/09/2002

Thời gian hoạt động: **50 năm** kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh
doanh (năm 2002).

Tỷ lệ cổ phiếu Tường An sở hữu: **2,4%** vốn chủ sở hữu

Giá giao dịch tại ngày 31/12/2009: **8.900 đồng/cổ phần**

Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK) đã niêm yết cổ phiếu lên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/12/2006.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 của VMPACK tại thời điểm lập Báo cáo này, Tường An chưa nhận được
thông tin chính xác từ VMPACK

(để nghị Quý nhà đầu tư tham khảo tại địa chỉ website: <http://www.vmpack.com>) hoặc www.hsx.vn



CÔNG TY SỞ HỮU 51% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Tổng Công ty công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (VOCARIMEX) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập lại từ Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 4799/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Vocarimex là Công ty mẹ nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Tên công ty: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM**

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Vốn kinh doanh: **647,533** tỷ đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa, các sản phẩm từ cây có dầu; chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa); sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát; sản xuất kinh doanh các loại bao bì; chế biến thức ăn chăn nuôi; xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty; cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc; khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật các loại hàng hoá, dịch vụ khác; đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu; kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Số cổ phần đang nắm giữ: **9.679.902** cổ phần

1. Báo cáo quản trị:

Tường An xác định quản trị doanh nghiệp tốt và hiệu quả là nền tảng quan trọng cho sự phát triển cho doanh nghiệp hiện tại cũng như trong tương lai. Báo cáo này trình bày những nguyên tắc quản trị doanh nghiệp của Tường An theo hướng dẫn của Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ tài chính về việc Ban hành Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên TTCK và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các vấn đề chung về Hội đồng quản trị.

Quy mô và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007 – 2011 bao gồm 5 thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bầu chọn lại và bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp tại cuộc họp bất thường hoặc thường niên của Đại hội đồng cổ đông hằng năm hoặc ít nhất là 5 năm một lần.

Sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của

Công ty, để điều hành công việc hàng ngày được thuận lợi và hiệu quả, Chủ tịch HĐQT đã thực hiện việc ủy quyền thông qua các văn bản ủy quyền và theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của Công ty và pháp luật như sau:

Ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc điều hành thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Ủy quyền cho Giám đốc Ban quản lý dự án thực hiện các công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

Ủy quyền cho Giám đốc các Nhà máy, Chi nhánh theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành trong việc giải quyết các công việc của các Nhà máy, chi nhánh.

Phân cấp quản lý

Công ty áp dụng chế độ phân cấp quản lý và mức độ phê duyệt đối với các vị trí và quy định các mức thẩm quyền cho từng bộ phận nghiệp vụ cụ thể.



HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm. Các cuộc họp bất thường được triệu tập khi có yêu cầu. Cuộc họp HĐQT được gửi bằng thư mời hoặc thông báo trực tiếp bằng điện thoại. Mỗi thành viên HĐQT được quyền có ý kiến và đánh giá độc lập khi đưa ra quyết định của mình. Ban kiểm soát cũng được thông báo và mời tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Tổng số cuộc họp HĐQT trong năm 2009: 133 lần, trong đó họp tập trung có 3 cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản 130 lần.

HĐQT gồm các thành viên sau:

Ông Đoàn Tấn Nghiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên
Ông Dương Tiến Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Nhở	Thành viên

Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Công ty. Việc đại diện pháp luật của Công ty được sự phê chuẩn bởi Đại hội đồng cổ đông năm 2008 của Công ty.

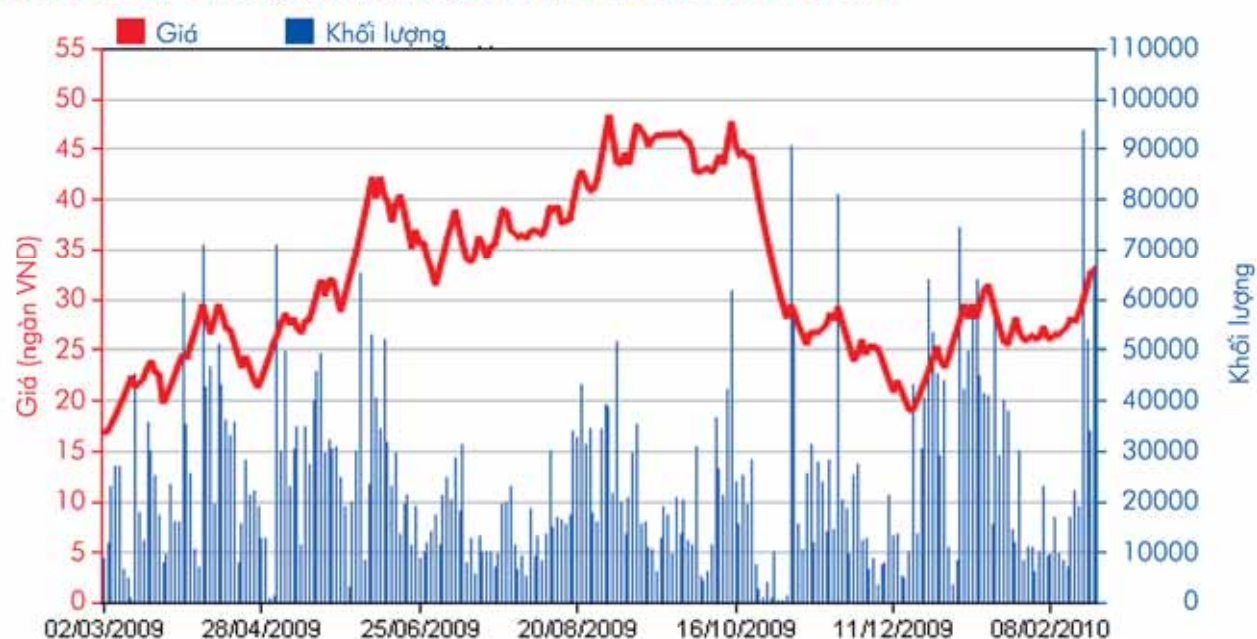
Thư ký của Công ty bao gồm:

Ông Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng
Ông Trương Huỳnh Bích	Chuyên viên tài chính
Bà Lê Yến Nga	Chuyên viên mua hàng

Thông tin cổ phần và cổ đông

- Tổng số cổ phần phổ thông : 18.982.000
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành : Không có
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 18.982.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ từng loại : Không có

BIỂU ĐỒ GIÁ GIAO DỊCH, KHỐI LƯỢNG CỦA CỔ PHIẾU TAC NĂM 2009



Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Stt	Diễn giải	31/12/2009
1	Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam	51%
2	Cổ đông nước ngoài	10,77%
3	Cổ đông trong nước (trừ Vocarimex)	38,23%

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ

Stt	Diễn giải	31/12/2008	Thay đổi trong năm	31/12/2009
Hội đồng quản trị				
1	Đoàn Tấn Nghiệp	104.100	0	104.100
2	Nguyễn Hùng Cường	15.000	0	15.000
3	Đình Quốc Hưng	10.000	0	10.000
4	Dương Tiến Đức	0	0	0
5	Huỳnh Văn Nhơ	10.670	0	10.670
Ban kiểm soát				
1	Văn Tích Vĩnh	0	0	0
2	Nguyễn Đức Thuyết	200	0	200
3	Ngô Bạch Mai	3.850	0	3.850
Ban Tổng giám đốc				
1	Hà Bình Sơn	1.500	0	1.500
2	Nguyễn Văn Lùng	1.070	0	1.070

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

Hội đồng quản trị				
	Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)	51%	0	51%



Chính sách thù lao

Việc quyết định thù lao cho từng thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao của HĐQT trong năm 2009 như sau:

Hội đồng quản trị	Mức thù lao hàng tháng
Ông Đoàn Tấn Nghiệp	6 triệu
Ông Nguyễn Hùng Cường	4 triệu
Ông Đinh Quốc Hưng	4 triệu
Ông Dương Tiến Đức	4 triệu
Ông Huỳnh Văn Nhỏ	4 triệu
Ban kiểm soát	
Ông Văn Tích Vĩnh	4 triệu
Ông Nguyễn Đức Thuyết	2 triệu
Bà Ngô Bạch Mai	2 triệu
Thư ký HĐQT	
Ông Vũ Đức Thịnh	3 triệu
Ông Trương Huỳnh Bích	2 triệu
Bà Lê Yến Nga	2 triệu
Ban Tổng giám đốc	
Ông Hà Bình Sơn	60 triệu
Ông Nguyễn Văn Lùng	40 triệu

2. Các giao dịch có liên quan

Hiện nay Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An có thực hiện mua nguyên liệu với Tổng công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex) là Công ty nắm giữ 51% vốn của Công ty.

Việc thực hiện giao dịch với Vocarimex được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, giá trị thực hiện được thể hiện trên Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2009.

Kiểm soát nội bộ:

Tường An luôn đảm bảo xây dựng, duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và ngày càng hoàn thiện nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm với công việc của toàn thể thành viên của công ty tuân theo một nguyên tắc quản trị tốt nhất nhằm bảo vệ tài sản của Tường An và vốn đầu tư của cổ đông.

Rủi ro tỷ giá:

Vấn đề rủi ro tỷ giá giữa VNĐ và đồng ngoại tệ đặc biệt là USD được Tường An rất quan tâm, trong năm 2009 ngân hàng Nhà nước đã nhiều lần thay đổi tỷ giá USD/VNĐ và thay đổi biên độ giao dịch giữa tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá do các ngân hàng thương mại niêm yết công bố và trong năm có thời gian dài nhiều tháng tình hình mua USD rất khó khăn làm cho chi phí đầu vào của các doanh nghiệp tăng cao, trong đó Tường An cũng bị ảnh hưởng.

Rủi ro về các khoản vay ngân hàng:

Hiện nay với thương hiệu và uy tín đã có thì vấn đề vay ngân hàng không phải là vấn đề khó đối với Tường An nhưng do các ngân hàng bị khống chế tỷ lệ tăng trưởng tín dụng hoặc trần lãi suất quy định cho nên đôi lúc gặp khó khăn trong việc thực hiện giải ngân như lãi suất và chứng từ.

Rủi ro thanh toán của khách hàng:

Rủi ro mà Tường An có thể phải gánh chịu là khả năng khách hàng không có khả năng thanh toán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 giá trị nợ phải thu khách hàng thể hiện trên bảng cân đối kế toán. Tường An luôn có những chính sách quản lý nợ phải

thu một cách hiệu quả. Vì vậy, hiện nay tại Tường An không có khoản nợ phải thu khó đòi.

Rủi ro quản lý của HĐQT và BGD:

Hiện nay công ty không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào trong Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc điều hành nhưng sự thành công của Tường An một phần phụ thuộc vào kỹ năng, năng lực quản lý và sự cống hiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành.

Ngoài ra, Công ty chịu sự tác động của việc tuyển dụng và giữ nhân tài để kế thừa các vị trí trong HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Sự cạnh tranh về nhân sự có kỹ năng, năng lực quản lý cao, việc mất đi sự đóng góp của một hay nhiều nhân sự cấp cao mà không có đủ người thay thế hoặc không có khả năng thu hút nhân sự mới có năng lực với chi phí hợp lý sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và trong tương lai.

Rủi ro thị trường:

Giá nguyên liệu, hàng hóa thế giới chưa ổn định, vẫn biến động tăng giảm bất thường mặc dù biên độ biến động không còn khoảng cách cao như năm 2008. Ngoài ra việc ảnh hưởng của tỷ giá USD/VNĐ cũng là vấn đề được quan tâm hàng đầu tại Tường An hiện nay.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn các nhân hàng đầu thực vật mới, tình hình cạnh tranh phức tạp hơn.





Tường An luôn duy trì kênh thông tin cung cấp cho nhà đầu tư thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức hàng năm, thông qua các cuộc gặp của lãnh đạo và các bộ phận có trách nhiệm cung cấp thông tin của công ty với các cổ đông.

Ngoài những thông tin cung cấp theo quy định của Luật chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM, Tường An cũng cung cấp những thông tin có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi phát sinh.

Tường An duy trì và cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng của Công ty trên Website của Tường An tại địa chỉ www.tuongan.com.vn và được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng khác như báo chí, website của Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và các trên các website của các tổ chức cung cấp thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán

Trong năm Tường An đã tiếp xúc với nhiều nhà đầu tư là các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư đến tìm hiểu tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Một số nhà đầu tư tiêu biểu như sau:

- Quỹ đầu tư Viet Nam Asset Management Fund
- Công ty chứng khoán Bản Việt
- Công ty chứng khoán Vinasecurities
- Công ty chứng khoán Sài Gòn (SSI)
- Công ty chứng khoán Thăng Long
- Công ty chứng khoán Bảo Việt
- Các quỹ đầu tư Viet Bridge, Prudential.

“ Tường An luôn khuyến khích tất cả cổ đông và các chuyên gia phân tích có đánh giá trung thực và khách quan về tình hình hoạt động của công ty hiện tại cũng như trong tương lai, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên và phát biểu ý kiến và nhận xét của mình cho sự phát triển của công ty ”.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

1. Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
Kết quả kinh doanh (triệu đồng)		
Doanh thu thuần	2,626,347	2,959,678
Lợi nhuận gộp	234,918	154,975
Lợi nhuận từ HĐSXKD	29,884	3,725
Lợi nhuận sau thuế	27,825	11,838
Bảng cân đối kế toán (triệu đồng)		
Tổng tài sản	651,956	686,965
Tài sản cố định	270,089	275,710
Tổng nợ phải trả	354,139	377,704
Tài sản thuần	297,817	309,261
Chỉ số tài chính		
ROE	9.42%	3.86%
ROA	4.27%	1.72%
Nợ / Vốn chủ sở hữu	119.85%	123.09%
Tính trên 1 cổ phiếu (đồng)		
Thu nhập trên mỗi cổ phần EPS	1,466	642
Giá trị sổ sách	15,568	16.167
Cổ tức (%)	14%	20%

2. Tình hình thực hiện xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2009

STT	Dự án	Giá trị dự toán	Đã thanh toán	Giá trị đã kiểm toán
1	Đầu tư mới Nhà máy dầu Phú Mỹ và di dời Nhà máy dầu Tường An	279.000	232.355	197.328
2	Đầu tư dây chuyền tách phân đoạn dầu cọ 400 tấn/ngày	52.358	47.985	42.942
3	Di dời dây chuyền thiết bị tinh luyện dầu công suất 60 tấn/ngày từ Nhà máy dầu Tường An đến Nhà máy dầu Phú Mỹ	8.790	811	

3. Định hướng đầu tư

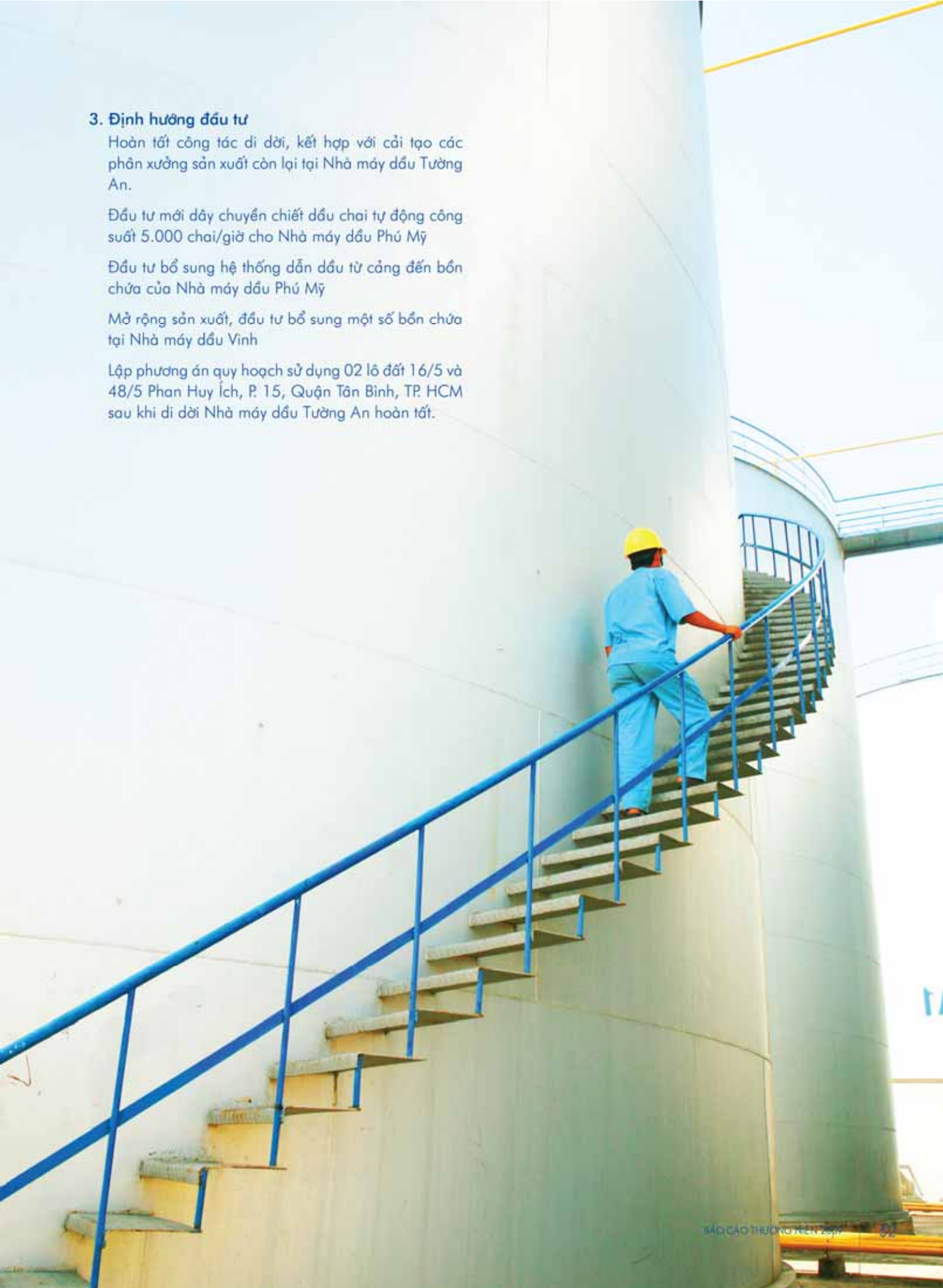
Hoàn tất công tác di dời, kết hợp với cải tạo các phân xưởng sản xuất còn lại tại Nhà máy dầu Tường An.

Đầu tư mới dây chuyền chiết dầu chai tự động công suất 5.000 chai/giờ cho Nhà máy dầu Phú Mỹ

Đầu tư bổ sung hệ thống dẫn dầu từ cảng đến bồn chứa của Nhà máy dầu Phú Mỹ

Mở rộng sản xuất, đầu tư bổ sung một số bồn chứa tại Nhà máy dầu Vinh

Lập phương án quy hoạch sử dụng 02 lô đất 16/5 và 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Quận Tân Bình, TP. HCM sau khi di dời Nhà máy dầu Tường An hoàn tất.





www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters	: 229 Dong Khoi St., District 1, Hoichiminh City	- Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi	: 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City	- Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa	: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City	- Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho	: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City	- Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0182/2009/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 02 tháng 03 năm 2010, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Vấn đề chưa thống nhất

Nhà máy dầu Phú Mỹ đã đi vào hoạt động từ tháng 11/2008 và hầu như các hạng mục của nhà máy đã được sử dụng. Tuy nhiên, phần chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa kết chuyển kịp thời tăng tài sản cố định để tính khấu hao và chi phí lãi vay tương ứng vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu được tính khấu hao cho các hạng mục trên trong 12 tháng năm 2009, thì phần chi phí khấu hao tăng thêm ước tính khoảng 5.266.479.048 VND và chi phí lãi vay vẫn còn vốn hóa là 2.561.757.610 VND và do vậy lợi nhuận giảm tương ứng (xem thuyết minh số V.12 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang").

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề chưa thống nhất trên, các Báo cáo tài chính để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính liên quan đến chính sách thuế về hoạt động kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định chính thức của cơ quan chức năng liên quan đến miễn, giảm thuế TNDN do cổ phần hóa và do



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

niệm yết chứng khoán lần đầu. Vấn đề này có thể liên quan đến thuế TNDN phải nộp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và do vậy có ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối lũy kế và quỹ đầu tư phát triển của Công ty do trích lập từ ưu đãi miễn, giảm thuế. (Xem thuyết minh số IV.13 "Thuế thu nhập doanh nghiệp" và thuyết minh VII.1 "Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ")

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày xx tháng 3 năm 2010

Nguyễn Ngọc Thành - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1195/KTV

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An là doanh nghiệp cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà Máy dầu Tường An thuộc Công ty dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (doanh nghiệp trực thuộc Bộ công nghiệp) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 04 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103002698 ngày 27 tháng 09 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Căn cứ vào Quyết định số 98/UBCK-GPNY ngày 06 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An và căn cứ vào thông báo số 846/TTGDHCM-NY ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức niêm yết và giao dịch. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phần tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, với mệnh giá cổ phiếu và số lượng cổ phiếu tăng lên cụ thể:

Vốn điều lệ	189.802.000.000 VND
-------------	---------------------

Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông	
Mã chứng khoán:	TAC	
Số lượng:	18.980.200	Cổ phiếu
Mệnh giá:	10.000	Đồng
Tổng giá trị chứng khoán niêm yết:	189.802.000.000	Đồng
Ngày niêm yết có hiệu lực	06/12/2006	
Ngày chính thức giao dịch	26/12/2006	
Cơ cấu vốn	Vốn (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà nước	96.799.000.000	51,00%
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	93.003.000.000	49,00%
Cộng	189.802.000.000	100%

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà Máy Dầu Tường An	48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM
Chi Nhánh Miền Bắc	78 Bạch Đằng, P. Thanh Lương, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
Chi Nhánh Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, X. Tân Quang, H. Văn Lâm, T. Hưng Yên
Chi Nhánh Miền Trung	65 Thái Phiên, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, Tp.đà Nẵng.
Nhà Máy Vinh	35 Nguyễn Viết Xuân, P. Hưng Dũng, TP. Vinh, Nghệ An.
Nhà Máy Dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, TT. Phú Mỹ, H. Tân Thành, T. Bà Rịa Vũng Tàu

Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng nhà xưởng. Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở). Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền). Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt). Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 30).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Tấn Nghiệp	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2007	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	
Ông Dương Tiến Đức	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	
Ông Huỳnh Văn Nhở	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	

Ban kiểm soát

Ông Văn Tích Vinh	Trưởng ban kiểm soát	24 tháng 4 năm 2007	
Ông Nguyễn Đức Thuyết	Kiểm soát viên	24 tháng 4 năm 2007	
Ông Ngô Bạch Mai	Kiểm soát viên	24 tháng 4 năm 2007	

Ban Điều hành

Ông Hà Bình Sơn	Tổng giám đốc	29 tháng 12 năm 2008	
Ông Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng giám đốc	14 tháng 08 năm 2008	
Ông Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	24 tháng 05 năm 2007	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng.
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2010



Đvt: VNĐ

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		380,194,095,453	405,553,619,501
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	136,447,709,626	80,084,126,763
1.	Tiền	111		32,047,709,626	58,084,126,763
2.	Các khoản tương đương tiền	112		104,400,000,000	22,000,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,992,402,807	29,147,485,020
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	28,154,401,342	24,684,014,480
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	-	4,241,008,629
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		6,751,900,243	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	86,101,222	222,461,911
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		200,042,892,789	269,483,855,775
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	200,042,892,789	277,185,661,974
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	-	(7,701,806,199)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		8,711,090,231	26,838,151,943
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	163,280,000	877,986,705
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,090,661,517	16,003,142,081
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	5,457,148,714	9,935,856,157
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	-	21,167,000
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271,762,257,668	281,411,535,062
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		270,089,457,668	275,710,069,142
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	225,224,352,915	135,286,691,122
	Nguyên giá	222		387,126,674,334	273,469,437,547
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(161,902,321,419)	(138,182,746,425)

 **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Stt	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	19,704,205,963	20,681,117,732
	Nguyên giá	228		24,208,897,338	23,808,897,338
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,504,691,375)	(3,127,779,606)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	25,160,898,790	119,742,260,288
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,672,800,000	1,610,400,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,884,000,000	1.884.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(211,200,000)	(273,600,000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260			4,091,065,920
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		4,091,065,920
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		651,956,353,121	686,965,154,563

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		354,139,297,732	377,703,884,991
I.	Nợ ngắn hạn	310		276,225,480,084	299,226,673,296
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	32,424,000,000	23,104,000,000
2.	Phải trả người bán	312	V.16	215,363,679,608	238,126,976,383
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.17	3,210,473,293	4,541,686,118
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	6,056,646,371	3,826,437,320
5.	Phải trả người lao động	315	V.19	14,359,692,262	19,351,957,943
6.	Chi phí phải trả	316	V.20	232,511,656	323,502,947
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-

 **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Stt	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	4,578,476,894	9,952,112,585
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		77,913,817,648	78,477,211,695
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.22	60.000.000	60.000.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.23	77,853,817,648	78,154,012,677
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24		263,199,018
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		297,817,055,389	309,261,269,572
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.25	295,475,253,205	306,854,784,497
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		189.802.000.000	189.802.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		68,357,166,495	62,931,262,421
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		8,102,230,959	8,102,230,959
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,711,197,659	466,787,975
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27,502,658,092	45,552,503,142
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2,341,802,184	2,406,485,075
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	2,341,802,184	2,406,485,075
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		651,956,353,121	686,965,154,563

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			61,210,000
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại:		-	-
	Dollar Mỹ (USD)		98,209.88	37,590.33
	Euro (EUR)			535
	Dollar Singapore (SGD)		-	-
	Yên Nhật (¥)		-	-
	Dollar Úc (AUD)		-	-
	Bảng Anh (£)		-	-
	Dollar Canada (CAD)		-	-
	...		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2010



NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



VŨ ĐỨC THỊNH
Kế toán trưởng



HÀ BÌNH SƠN
Tổng giám đốc



Đơn: VND

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,645,444,756,730	2,993,016,524,094
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19,097,757,050	33,338,781,725
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2,626,346,999,680	2,959,677,742,369
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2,391,428,652,351	2,804,702,551,292
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		234,918,347,329	154,975,191,077
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,764,525,224	30,275,353,140
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	36,370,127,938	50,381,508,885
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		12,851,968,806	1,863,889,032
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	142,802,631,422	104,049,988,760
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	28,625,963,614	27,093,400,903
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,884,149,579	3,725,645,669
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	3,552,936,155	10,618,391,591
12.	Chi phí khác	32	VI.8	814,350	3.636.364
13.	Lợi nhuận khác	40		3,552,121,805	10.614.755.227
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33,436,271,384	14.340.400.896
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	5,610,992,922	2.502.320.699
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27,825,278,392	11.838.080.197
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1,466	624

Nguyễn Phương Thảo

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

VŨ ĐỨC THỊNH
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn

HÀ BÌNH SƠN
Tổng giám đốc



Đvt: VND

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		33,436,271,384	14,340,400,896
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	VI.11	27,859,950,701	18.966.278.163
-	Các khoản dự phòng	03	VI.3	(7,764,206,199)	7.975.406.199
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(10,434,675)	3.105.325.477
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2,490,918,402)	(23.405.019.648)
-	Chi phí lãi vay	06	VII.2	12,851,968,806	1.863.889.032
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63,882,631,615	22.846.280.119
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11,628,649,553	(23.024.157.669)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		77,142,769,185	(125.300.369.958)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36,133,786,899)	(89.657.087.304)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,805,772,625	3.578.267.478
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(15,504,717,707)	(12.661.167.645)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(1,201,029,802)	(30.619.892.124)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			206.907.600
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.26	(1,712,892,575)	(8.012.052.081)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		102,907,395,955	(262.643.271.584)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19,677,581,617)	(58.056.564.477)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7		419.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			50.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			100.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,429,706,069	25.819.642.628
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(17,247,875,548)	8.282.169.060

S#	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15823	280,384,960,137	20.794.989.886
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15823	(271,730,932,396)	(22.651.230.761)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(37,960,400,000)	(37.960.400.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29,306,372,259)	(39.816.640.875)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		56,353,148,188	(284.177.743.399)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	80,084,126,763	364.228.585.799
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	V.13	10,434,675	33.284.363
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	136,447,709,626	80.084.126.763



NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



VŨ ĐỨC THỊNH
Kế toán trưởng



HÀ BÌNH SƠN
Tổng giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính xem tại website www.tuongan.com.vn hoặc www.hsx.vn



Cho kỳ báo cáo năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa. Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật. Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 6 của Công ty sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định chi tiết như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu). Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản Lợi thế doanh nghiệp ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp ngày 11 tháng 05 năm 2004 được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí kinh doanh.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Từ năm 2008 trở về trước, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

- Quỹ dự trữ bổ sung VND: 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005, năm 2006) và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo (năm 2007 và năm 2008).

Đối với phần ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty không được gộp chung với chế độ ưu đãi giảm 50% do cổ phần hóa thành miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 100% trong năm 2007, 2008 như công văn số 11650/CT-TTHT ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Cục thuế TP. HCM mà được tính kể từ năm 2009 theo công văn điều chỉnh 5286/CT-TTHT ngày 16 tháng 05 năm 2008 và công văn 7890/CT-KT1 ngày 8 tháng 7 năm 2008 của Cục thuế TP. HCM.

Vì vậy, trong năm 2008, Công ty đã kê khai bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 do chưa được giảm 50% với số tiền là 18.251.537.418 VND.

Tuy nhiên, theo công văn số 546/CT- TTHT năm 2009 về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Cục Thuế TP. HCM đối với Tổ chức niêm yết chứng khoán lần đầu thì Bộ Tài chính đang nghiên cứu để có hướng dẫn cụ thể đối với Công ty cổ phần có chứng khoán niêm yết tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán trước ngày 01 tháng 01 năm 2007.

Trong khi chờ Bộ Tài Chính hướng dẫn cụ thể hơn về chế độ ưu đãi thuế TNDN của các năm 2007 và 2008, Công ty tạm đăng ký và kê khai theo hướng dẫn số 2300/CT-TTHT ngày 30/03/2009 của Cục Thuế TP.

HCM như sau:

• Năm 2009 và 2010 giảm 50% thuế TNDN phải nộp đối với Công ty cổ phần có chứng khoán niêm yết tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán trước ngày 01 tháng 01 năm 2007.

• Năm 2011 miễn thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

• Từ 2012 đến 2016 giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỉ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày

31/12/2008 : 16,977 VND/USD

31/12/2009 : 17,941 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.626.050.157	2.108.506.073
Tiền gửi ngân hàng	30.421.659.469	55.975.620.690
Các khoản tương đương tiền	104.400.000.000	22.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	104.400.000.000	22.000.000.000
Cộng	136.447.709.626	80.084.126.763
2. Phải thu khách hàng		
Phải thu Cty Vocarimex	549.084.800	0
Phải thu khách hàng khác	27.605.316.542	24.684.014.480
Cộng	28.154.401.342	24.684.014.480
3. Trả trước cho người bán		
Ứng trước hoạt động xây dựng cơ bản	3.567.243	3.858.711.829
Ứng trước hoạt động khác	6.748.333.000	382.296.800
Cộng	6.751.900.243	4.241.008.629
4. Các khoản phải thu khác		
Lãi tiền gửi ước tính thu được	86.101.222	24.888.889
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa nộp	-	170.573.022
Phải thu BHXH, YT, TN (CBCNV)	-	27.000.000
Cộng	86.101.222	222.461.911
5. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	65.711.774.410	124.456.176.997
Công cụ, dụng cụ	328.323.707	203.352.097
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.146.401.569	45.190.407.093
Thành phẩm	87.812.219.349	107.049.525.984
Hàng hóa	2.044.173.754	286.199.803
Cộng	200.042.892.789	277.185.661.974
6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	0	(2.824.545.310)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	0	(1.306.804.049)
Thành phẩm	0	(3.570.456.840)
Cộng	0	(7.701.806.199)
Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:		
Số đầu năm	(7.701.806.199)	
Trích lập dự phòng		(7.701.806.199)
Hoàn nhập dự phòng	(7.701.806.199)	
Số cuối kỳ		(7.701.806.199)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm		
7. Chi phí trả trước ngắn hạn					
Số đầu năm	877.986.705		365.188.263		
Tăng trong kỳ	2.764.836.976		1.556.592.007		
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(3.479.543.681)		(1.043.793.565)		
Kết chuyển giảm khác			-		
Số cuối kỳ	163.280.000		877.986.705		
8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
Thuế GTGT	1.077.897		-		
Thuế TNDN	5.456.070.817		9.866.034.007		
Tiền thuê đất	-		69.822.150		
Cộng	5.457.148.714		9.935.856.157		
9. Tài sản ngắn hạn khác					
Tạm ứng	-		21.167.000		
10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	75.921.821.634	189.790.508.958	5.213.537.345	2.543.569.610	273.469.437.547
Mua sắm mới	780.000.000	654.221.050		150.645.258	1.584.866.308
Đầu tư XD CB hoàn thành	57.945.416.332	56.890.418.085			114.835.834.417
Thanh lý, nhượng bán	2.587.662.138	175.801.800			2.763.463.938
Số cuối năm	132.059.575.828	247.159.346.293	5.213.537.345	2.694.214.868	387.126.674.334
Trong đó, đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng					
	22.737.483.833	83.183.322.134	680.234.795	1.544.045.493	108.145.086.255
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	28.007.250.370	106.034.465.664	2.339.573.482	1.801.456.909	138.182.746.425
Khấu hao trong kỳ	7.424.615.071	17.992.990.028	580.372.402	485.061.431	26.483.038.932
Thanh lý, nhượng bán	2.587.662.138	175.801.800			2.763.463.938
Số cuối năm	32.844.203.303	123.851.653.892	2.919.945.884	2.286.518.340	161.902.321.419
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	47.914.571.264	83.756.043.294	2.873.963.863	742.112.701	135.286.691.122
Số cuối năm	99.215.372.525	123.307.692.401	2.293.591.461	407.696.528	225.224.352.915
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	23.288.897.338	520.000.000	23.808.897.338
Tăng trong năm	400.000.000		400.000.000
Số cuối năm	23.688.897.338	520.000.000	24.208.897.338
Trong đó,			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.607.779.606	520.000.000	3.127.779.606
Khấu hao trong kỳ	1.376.911.769	-	1.376.911.769
Số cuối năm	3.984.691.375	520.000.000	4.504.691.375
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.681.117.732	-	20.681.117.732
Số cuối năm	19.704.205.963	-	19.704.205.963

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy dầu Phú Mỹ có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 19.298.957.807 VND và 17.987.378.153 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.23).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	119.742.260.288	159.744.149.899
Tăng trong năm	20.309.977.919	190.765.856.609
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(114.835.834.417)	(106.984.720.754)
Kết chuyển vào chi phí sản xuất	55.505.000	-
Kết chuyển giảm khác - chi phí chạy thử nhập lại kho	-	(123.783.025.466)
Số cuối năm	25.160.898.790	119.742.260.288

Do phần chi phí xây dựng dở dang chưa kết chuyển kịp thời tăng tài sản cố định từ đầu năm 2009 nên chi phí khấu hao của hạng mục TSCĐ bàn giao chỉ được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh từ thời điểm bàn giao (4 đợt vào các tháng 2, 8, 10, 12 năm 2009).

Chi phí lãi vay vốn hóa ghi nhận vào dự án Nhà máy dầu Phú Mỹ trong năm là 2.561.757.610 VND.

Một phần Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án Nhà máy Phú Mỹ đang được thế chấp tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.23)

13. Đầu tư dài hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	1.824.000.000	1.824.000.000
Đầu tư trái phiếu	60.000.000	60.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(211.200.000)	(273.600.000)
Cộng	1.672.800.000	1.610.400.000

Trong năm Công ty nhận thêm 9.600 cổ phiếu thưởng từ Công ty cổ phần bao bì thực vật (tỷ lệ 19:1), nâng tổng số cổ phiếu năm giữ của Công ty đối với cổ phiếu VPK là 192.000 cổ phiếu, tương đương giá trị sổ sách 9.500 VND/CP

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
14. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.091.065.920	8.182.131.840
Tăng trong năm	-	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(4.091.065.920)	(4.091.065.920)
Kết chuyển giảm khác	-	-
Số cuối năm	-	4.091.065.920

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	10.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thuyết minh V.23	22.424.000.000	23.104.000.000
	32.424.000.000	23.104.000.000

Vay Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Phú theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 570-0001722 ngày 29 tháng 06 năm 2009 để bổ sung vốn lưu động, phát hành chứng thư bảo lãnh, phát hành L/C trả ngay:

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND
- Thời gian vay: 1 năm
- Lãi suất vay: Được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thông báo Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: Tín chấp

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số dư đầu năm	-	23.104.000.000	23.104.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	258.431.155.166	-	258.431.155.166
Số kết chuyển	-	22.254.000.000	22.254.000.000
Chênh lệch tỷ giá khoản vay ngoại tệ	365.777.230	-	365.777.230
Số tiền vay đã trả trong năm	(248.796.932.396)	(22.934.000.000)	(271.730.932.396)
Số dư cuối năm	10.000.000.000	22.424.000.000	32.424.000.000

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Vocarimex	198.253.272.375	214.273.630.692
Các nhà cung cấp khác	17.110.407.233	23.853.345.691
Cộng	215.363.679.608	238.126.976.383

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước hoạt động thương mại	3.210.473.293	4.541.686.118

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	3.118.349.488	15.208.361.627	(12.339.474.291)	5.987.236.824
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	170.573.022	8.488.955.281	(8.659.528.303)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	16.616.646	3.713.408.623	(3.730.025.269)	-
Thuế thu nhập DN	(9.866.034.007)	5.610.992.992	(1.201.029.802)	(5.456.070.817)
Thuế thu nhập cá nhân	520.898.164	292.555.650	(745.222.164)	68.231.650
Tiền thuê đất	(69.822.150)	468.306.750	(398.484.600)	-
Thuế tài nguyên	-	16.500.000	(16.400.000)	100.000
Thuế môn bài (*)	-	7.500.000	(7.500.000)	-
Tổng cộng	(6.109.418.837)	33.806.580.923	(27.097.664.429)	599.497.657

(Thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuế GTGT nộp thừa tại văn phòng Công ty được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản thu Nhà Nước” (Xem thuyết minh số V.8)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dầu thành phẩm các loại	10 %
Hóa chất các loại	5 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

(Xem thuyết minh số IV.13.)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ lương còn phải trả cho người lao động	14.359.692.262	19.351.957.943

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	232.511.656	323.502.947

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	688.000	-
Kinh phí công đoàn	773.240.031	1.128.048.148
BHXH, BHYT, BHTN	3.432.902	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5.104.680.000
Cổ tức phải trả	60.915.000	48.575.000
Tiền đăng phí	55.379.679	57.852.679
Các khoản phải trả khác	3.684.821.282	3.612.956.758
Trong đó: Chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả	3.679.482.426	3.612.956.758
Cộng	4.578.476.894	9.952.112.585

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số đầu năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi - Trái phiếu đầu tư từ nguồn quỹ phúc lợi	60.000.000	160.000.000

23. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm
Vay Ngân hàng Công Thương VN – SGD II - HĐ 06.781000/HĐTD ngày 14 tháng 04 năm 2006 với lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của NH Công Thương + 2%/năm	8.910.000.000	10.710.000.000
Vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM HĐ 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + cộng 2%/năm	69.663.817.648	67.444.012.677
Cộng	77.853.817.648	78.154.012.677

Khoản vay Ngân hàng theo HĐ 01/2005/93451/HĐ để thực hiện dự án được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của dự án (xem thuyết minh V.10 và V.11).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng Công Thương VN – SGD II	10.710.000.000	-	(2.520.000.000)	8.190.000.000
Vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	67.444.012.677	21.953.804.971	(19.734.000.000)	69.663.817.648
Cộng	78.154.012.677	21.953.804.971	(22.254.000.000)	77.853.817.648

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	263.199.018	177.189.228
Số trích lập trong năm	132.094.382	397.233.840
Tăng khác	-	-
Số chi trong năm	(395.293.400)	(311.224.050)
Số cuối năm	-	263.199.018

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	37.960.400.000	37.960.400.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
Cộng	37.960.400.000	37.960.400.000

Cổ phiếu	Số đầu năm	Số cuối năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	278.579.454	829.606.456	403.800.000	(618.500.000)	893.485.910
Quỹ phúc lợi	2.127.905.621	414.078.228	-	(1.094.392.575)	1.447.591.274
Cộng	2.406.485.075	1.244.409.684	403.800.000	(1.712.892.575)	2.341.802.184



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.645.444.756.730	2.993.016.524.094
- Doanh thu bán hàng hóa	9.329.640.186	14.387.222.087
- Doanh thu bán thành phẩm	2.636.115.116.544	2.978.629.302.007
Các khoản giảm trừ doanh thu	(19.097.757.050)	(33.338.781.725)
- Giảm giá hàng bán	(18.479.726.555)	(31.101.193.426)
- Hàng bán bị trả lại	(618.030.495)	(2.237.588.299)
Doanh thu thuần	2.626.346.999.680	2.959.677.742.369
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	9.329.160.061	14.385.816.887
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.617.017.839.619	2.945.291.925.482
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	7.154.292.933	6.930.733.221
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.384.274.359.418	2.797.771.818.071
Cộng	2.391.428.652.351	2.804.702.551.292
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	2.417.606.635	22.766.437.806
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	263.172.147	7.289.424.401
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.434.675	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.311.767	219.490.933
Cộng	2.764.525.224	30.275.353.140
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	12.851.968.806	1.863.889.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.580.559.132	45.138.694.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.105.325.477
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(62.400.000)	273.600.000
Cộng	36.370.127.938	50.381.508.885

Lỗ chênh lệch tỷ giá USD/VND đã thực hiện chủ yếu phát sinh từ khoản thanh toán tiền mua hàng cho Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Vocarimex

Tại thời điểm cuối năm, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá USD/VND phát sinh sau khi hai bên thống nhất về tỷ giá mua bán thông qua phụ lục hợp đồng khoảng 6,4 tỷ đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.993.487.168	14.310.792.365
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	586.826.183	287.799.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.859.204	30.701.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.340.071.958	11.637.798.480
Chi phí khác	112.848.386.909	77.782.897.306
Cộng	142.802.631.422	104.049.988.760

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.305.487.167	15.671.552.365
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.176.790.566	843.450.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.062.632.284	969.638.907
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.310.717.619	2.037.855.324
Chi phí khác	7.770.335.978	7.570.903.458
Cộng	28.625.963.614	27.093.400.903

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ,	-	419.090.909
Thu tiền bồi thường bảo hiểm	-	953.949.092
Thu tiền bồi thường hợp đồng	163.080.660	50.471.000
Thu tiền xử lý bao bì cứng	3.290.564.546	8.961.746.197
Thu bán hồ sơ mời thầu	33.000.000	-
Thu nhập khác	66.290.949	233.134.393
Cộng	3.552.936.155	10.618.391.591

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	3.636.364
Chi phí khác	814.350	-
Cộng	814.350	3.636.364

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Hoạt động chính	Thu nhập khác	Cộng
Doanh thu	2.262.346.999.680	-	2.262.346.999.680
Giá vốn	(2.391.428.652.351)	-	(2.391.428.652.351)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	2.764.525.224	2.764.525.224
Chi phí hoạt động tài chính	(36.370.127.938)	-	(36.370.127.938)
Chi phí bán hàng	(142.802.631.422)	-	(142.802.631.422)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(28.625.963.614)	-	(28.625.963.614)
Thu nhập khác	-	3.552.936.155	3.552.936.155
Chi phí khác	-	(814.350)	(814.350)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.119.624.355	6.316.647.029	33.436.271.384

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

	Hoạt động chính	Thu nhập khác	Cộng
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.730.193.042	7.764.206.199	15.494.399.241
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.353.139.759)	(3.385.220.079)	(14.738.359.838)
Tổng thu nhập chịu thuế	23.496.677.638	10.695.633.149	34.192.310.787
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	5.874.169.410	2.673.908.287	8.548.077.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	(2.937.084.705)	-	(2.937.084.705)

Tổng chi phí thuế thu nhập DN hiện hành 2.937.084.705 2.673.908.287 5.610.992.992

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm trước được dự tính như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 14.340.400.896

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các khoản điều chỉnh tăng	7.374.381.102
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.841.062.721)
Tổng thu nhập chịu thuế	17.873.719.277
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	5.004.641.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(2.502.320.699)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.502.320.699

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.825.278.392	11.838.080.197
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.825.278.392	11.838.080.197
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.466	624
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.980.200	18.980.200
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.602.998.133.626	2.960.048.052.725
Chi phí nhân công	71.311.234.537	72.914.700.904
Chi phí tiền lương	65.600.000.000	68.038.000.000
Chi phí tiền ăn giữa ca	1.709.141.998	1.264.997.724
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	4.060.092.539	3.611.703.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.859.950.701	18.966.278.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.508.877.150	51.051.335.928
Chi phí khác	127.104.552.332	89.664.724.100
Cộng	2.877.782.748.346	3.192.645.091.820



NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



VŨ ĐỨC THỊNH
Kế toán trưởng



HÀ BÌNH SƠN
Tổng giám đốc

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã nhận được công văn số 149/TCT-PC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Tổng cục thuế gửi cho Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 – 2006. Theo nội dung công văn đã trả lời: “Trường hợp, tại năm tài chính có chứng khoán niêm yết lần đầu, doanh nghiệp vừa thuộc diện hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN, vừa được hưởng ưu đãi thuế TNDN do niêm yết chứng khoán lần đầu thì mức ưu đãi thuế TNDN được xác định cộng cả mức ưu đãi theo Luật thuế TNDN và mức ưu đãi do niêm yết chứng khoán lần đầu”. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong thời gian miễn, giảm thuế TNDN theo luật thuế TNDN đã xác định giảm 50% số thuế TNDN do niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004 – 2006 theo hướng dẫn tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 8/9/2006 thì không xem xét xử lý lại. Vấn đề này hiện nay Công ty vẫn chưa nhận quyết định chính thức từ cơ quan chức năng.

Như thuyết minh số IV. 13 “Thuế TNDN đã trình bày: “Đối với phần ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty không được gộp chung với chế độ ưu đãi giảm 50% do cổ phần hóa

thành miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 100% trong năm 2007, 2008 như công văn số 11650/CT-TTHT ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Cục thuế TP. HCM mà được tính kể từ năm 2009 theo công văn điều chỉnh 5286/CT-TTHT ngày 16 tháng 05 năm 2008 và công văn 7890/CT-KT1 ngày 8 tháng 7 năm 2008 của Cục thuế TP. HCM. Vì vậy, trong năm 2008, Công ty đã kê khai bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 do chưa được giảm 50% với số tiền là 18.251.537.418 VND”. Nên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã tạm thời ghi nhận tăng nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước và giảm nguồn quỹ đầu tư phát triển mà trước đó Công ty đã trích lập từ lợi nhuận sau thuế từ khoản ưu đãi giảm thuế từ niêm yết chứng khoán.

Sau khi nhận được công văn số 149/TCT-PC ngày 14 tháng 01 năm 2010, Công ty đã liên hệ Cục thuế TP. Hồ Chí Minh để được hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế. Trong khi chờ quyết định chính thức của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi miễn giảm thuế, phần dự tính thuế TNDN phải nộp năm nay Công ty tạm đăng ký và kê khai theo hướng dẫn số 2300/CT-TTHT ngày 30/03/2009 của Cục Thuế TP. HCM, tức là giảm 50% thuế TNDN phải nộp đối với Công ty cổ phần có chứng khoán niêm yết tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán trước ngày 01 tháng 01 năm 2007 do không được gộp chung miễn, giảm thuế do cổ phần hóa và do niêm yết chứng khoán lần đầu.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.496.074.000	5.008.700.000
Tiền thưởng	8.500.000	1.029.425.000
Khác	14.113.000	5.717.000
Cộng	3.518.687.000	6.043.842.000

Các bên liên quan khác với Công ty:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Công ty mẹ

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2. Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên liệu	(2.154.197.238.938)	(2.533.827.368.644)
Thanh toán tiền mua nguyên liệu	2.170.217.597.255	2.918.395.059.869
Gia công nguyên liệu	-	2.604.805.200

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ với Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải thu tiền bán hàng	549.084.800	-
Phải trả tiền mua nguyên liệu	(198.253.272.375)	(214.273.630.692)

3. Chi phí lãi vay

Chi tiết phân bổ chi phí lãi vay phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	12.851.968.806	1.863.889.032
Chi phí lãi vay được vốn hóa	2.561.757.610	11.120.781.560
Tổng chi phí lãi vay	15.413.726.416	12.984.670.592
Tỷ lệ vốn hóa	17%	86%

4. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

TP. HCM, ngày 02 tháng 03 năm 2010



NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



VŨ ĐỨC THỊNH
Kế toán trưởng



HÀ BÌNH SƠN
Tổng giám đốc



Đại hội Cổ đông 2009



Đại hội Cổ đông 2009



Hội nghị Khách hàng 2009



Hội nghị Khách hàng 2009



Hội nghị Khách hàng 2009



Hội họp giao ban tại Công ty



Công Ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An
48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
Tel : (84.8) 3815 3972 - 3815 3941 - 3815 3950 - 3815 1102
Fax : (84.8) 3815 3649 - 3815 7095
Email : tuongan@tuongan.com.vn Web: www.tuongan.com.vn